Số/*No:* Ngày/*date:*

Kính gửi: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – TPBank

To: Tiên Phong Commercial Joint Stock Bank – TPBank

*Khách hàng vui lòng điền tất cả các trường có dấu * và đánh dấu chọn vào ô thích hợp theo nhu cầu đăng ký dịch vụ của Khách hàng. Khách hàng vui lòng gạch chéo các phần dịch vụ không đăng ký (Customer please fills in all fields marked with * and ticks the appropriate boxes according to the customer's service registration needs. Please cross out the unregistered service sections)*

Khách hàng đề nghị TPBank mở tài khoản cho Khách hàng với các thông tin sau:
(Customer requests TPBank to open account with the following information)

1.	**THÔNG TIN TỔ CHỨC *(ORGANIZATION INFORMATION)*/ CHỦ TÀI KHOẢN *(ACCOUNT OWNER)*** *Những thông tin có dấu (*) là thông tin bắt buộc (The information marked with (*) is compulsory)*
1.1	Tên tổ chức tiếng Việt *: *(Organization's name in Vietnamese)*
1.2	Tên tổ chức tiếng Anh *(Organization's name in English)*:* *(Áp dụng với Khách hàng có Tên tổ chức bằng tiếng Anh):* *(Applicable to Customer having Organization's name in English)*
1.3	Tên viết tắt *(Abbreviation name)*:*
1.4	Số Giấy phép thành lập/Quyết định thành lập *(No of Establishment License/ Establishment Decision)* *:* Ngày cấp *(Date of issue)*:* Nơi cấp *(Place of issue)*:*
1.5	Mã số Doanh nghiệp *(Business Registration)* *: Ngày cấp *(Date of issue)*:* Nơi cấp *(Place of issue)*:*
1.6	Mã số thuế *(Tax code)*:*
1.7	Quốc gia đăng ký/thành lập *(Country of Registration/Incorporation)*:*
1.8	Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh *(Business lines and sectors)*:*
1.9	Tình trạng cư trú *(Residential status)*:* O Cư trú *(Resident)* O Không cư trú *(Non-resident)*
1.10	Loại hình tổ chức *(Type of organization)*:* O Công ty cổ phần *(Joint stock company)* O Doanh nghiệp Nhà nước *(State-owned enterprise)* O Công ty TNHH *(Limited liability company)* O Công ty hợp danh (*Partnerships company*) O Khác *(Others)* O Hợp tác xã/Liên hiệp Hợp tác xã *(Co-operative)*
1.11	Vốn điều lệ *(Charter capital)*:*
1.12	Doanh thu năm gần nhất *(Previous year's revenue)*:*
1.13	Vốn chủ sở hữu năm gần nhất *(Previous year's Equity)*:*
1.14	Địa chỉ trụ sở chính *(Headquarters address)* *:
1.15	Địa chỉ giao dịch (*Business address)*:* O Giống Địa chỉ trụ sở chính (*Same as Headquarters address)* O Địa chỉ khác (*Another address):*
1.16	Địa chỉ tiếng Anh *(Address in English)** *(Áp dụng với Khách hàng có Tên tổ chức bằng tiếng Anh):* *(Applicable to Customer having Organization's name in English)*
1.17	Số điện thoại liên lạc* *(Contact phone number)*: *(Là số điện thoại mặc định để nhận các thông báo giao dịch và quảng cáo sản phẩm Dịch vụ từ TPBank) (Being the default mobile number to receive transaction notifications and advertisement of products and services from TPBank)*
1.18	Email: *(Lưu ý: Khách hàng chỉ được đăng ký 1 địa chỉ email/ Note: Customer can only register 1 email address)* *(Là địa chỉ thư điện tử mặc định để nhận các thông báo giao dịch và quảng cáo sản phẩm Dịch vụ từ TPBank)* *(Being the default email to receive transaction notifications and advertisement of products and services from TPBank)*
1.19	Fax:
1.20	Trang thông tin điện tử (nếu có)/ *Website (if any):*
1.21	Số định danh của Tổ chức (nếu có)/ *(Identification number of the organization (if any))*:
1.22	Chủ tài khoản có chủ sở hữu hưởng lợi không? *(Do you have beneficial owner?)*:* O Có *(Yes)* O Không *(No)* Nếu "Có", vui lòng cung cấp thông tin vào biểu mẫu Tờ khai thông tin chủ sở hữu hưởng lợi do TPBank cung cấp

	(If "Yes", please kindly further declare in BENEFICIAL OWNER INFORMATION /DECLARATION form provided by TPBank)
1.23	Chủ tài khoản có tham gia thỏa thuận pháp lý về ủy thác để thay mặt cho bên ủy thác mở, quản lý và sử dụng tài khoản và tiền/tài sản trong tài khoản mở tại TPBank không?*: (*Do you involve in the legal agreement on a trust to act on the trustor's behalf to open, manage and use account and money/asset in the account at TPBank?*)*: O Có *(Yes)* O Không *(No)* Nếu chọn "Có", vui lòng cung cấp thông tin vào biểu mẫu Tờ khai thông tin thỏa thuận pháp lý của khách hàng do TPBank *cung cấp (If "Yes", please kindly further declare in the legal agreement information - declaration provided by TPBank)* Các tờ khai Thông tin chủ sở hữu hưởng lợi hoặc/và Tờ khai thông tin thỏa thuận pháp lý của khách hàng là một phần không thể tách rời của Thỏa thuận này. *(The BENEFICIAL OWNER INFORMATION - DECLARATION form and/or the legal agreement information – declaration form are an integral part of this Agreement)*

2.	**THÔNG TIN TÀI KHOẢN *(ACCOUNT INFORMATION)***		
2.1	**Loại tài khoản** *(Type of account)*	O Tài khoản thanh toán *(Current account)* O Tài khoản thanh toán chọn số *(Selected number account)* *(Vui lòng điền thông tin mục 2.5/ Please fill out section 2.5)*	O Khác *(ghi rõ)/ Others (specify)*
2.2	**Tên tài khoản thanh toán:** *(Account name)*		
2.3	**Loại tiền** *(Type of currency)*	O VND O USD O Ngoại tệ khác (ghi rõ)*(Other foreign currency (specify)):*	
2.4	**Số lượng tài khoản** *(Number of Accounts)* :		
2.5	**ĐĂNG KÝ CHỌN SỐ TÀI KHOẢN THANH TOÁN *(REGISTRATION OF SELECTING CURRENT ACCOUNT NUMBER)*** ***Vui lòng gạch chéo nếu không có nhu cầu chọn số tài khoản thanh toán*** ***(Please cross out if there is no demand for selecting a current account number)***		
	Đề nghị TPBank chọn số tài khoản thanh toán *(Suggested current account number)*:		
	Loại tiền *(Currency)*:		
	Số tiền phí mở tài khoản thanh toán chọn số *(Fee for opening a current account with selected number)*: *Bằng chữ (by word)*:		
	Phí mở tài khoản thanh toán chọn số được thanh toán như sau *(Fees for opening a current account with selected number are paid as following)*: O Nộp tiền mặt *(Pay in cash)* O Trích nợ tài khoản thanh toán số *(Debit current account No)*:		

3.	**ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ TÀI KHOẢN VÀ CÁC DỊCH VỤ ĐI KÈM *(REGISTRATION FOR ACCOUNT SERVICE AND OTHER SERVICES)***				
3.1	**Đăng ký nhận thông báo giao dịch** *(Registration for transactions notification)* O Có đăng ký (mất phí)/ *Registration (pay charge)* Điện thoại đi động *(Mobile phone):* (Lưu ý: Khách hàng có thể đăng ký tối đa 05 số điện thoại nhận thông báo giao dịch) *(Note: Customers can register up to 05 phone numbers to receive transaction notifications)* O Không đăng ký *(No registration)*				**Xác nhận của người đại diện hợp pháp** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* ***Confirmation of lawful representative*** *(Signature, full name and seal)*
3.2	**Dịch vụ sổ phụ** *(Sub-ledger service):* O Có *(Yes)* O Không *(No)* **Dịch vụ Hóa đơn GTGT** *(VAT invoices service):* O Có *(Yes)* O Không *(No)*				
	Tần suất nhận *(Frequency of delivery)*	O Hàng ngày *(Daily)*	O Hàng tháng *(Monthly)*	O Yêu cầu khác (*Others) (ghi rõ/ specify):*	
	Hình thức nhận *(Delivery method):* OTại TPBank, chi nhánh (*At TPBank, branch):* OQua Email (là email tại mục 1.18 tại phần 1. Thông tin tổ chức (chủ tài khoản)) *Via Email (email at Section 1.18 of Part 1. Organization information (Account owner))* OQua Bưu điện, địa chỉ *(By post office, Address)*:				
	Đăng ký thông tin người được uỷ quyền nhận Sổ phụ và/hoặc sao kê tài khoản thanh toán và/hoặc Hóa đơn GTGT *(Registration for authorized person to receive Sub-ledger and/or payment account statement and/or VAT invoice)*	Họ và tên *(Full name)*: Số CMND/thẻ CCCD/thẻ Căn cước/giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu - Hộ chiếu chỉ áp dụng cho cá nhân là người nước ngoài: *(ID Card/Citizen ID Card/ID certificate/Passport - Passport only applies to foreign individuals)*: Ngày cấp*(Date of Issue)*: Ngày hết hạn *(Expiry date)*: Nơi cấp *(Place of Issue)*: Quốc tịch *(Nationality)*: Số thị thực nhập cảnh/giấy tờ thay thị thực nhập cảnh*:		

		(Chỉ áp dụng với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam[1]) *(Number of Entry Visa/ document replacing Entry Visa - for foreigners residing in Vietnam)*	
		Tình trạng cư trú *(Residential status)**: O Cư trú *(Resident)* O Không cư trú *(Non-resident)*	
		Nghề nghiệp, chức vụ *(Occupation, Position) *:*	
		Số điện thoại liên lạc *(Contact phone number)**:	
		Địa chỉ đăng ký thường trú *(Permanent Address)* *: *(Khách hàng là người nước ngoài phải điền địa chỉ tại nước ngoài)* *(Foreign customer must enter foreign address)*	
		Địa chỉ tạm trú *(Temporary Address)* *: *(Chỉ áp dụng với Khách hàng là người nước ngoài không có Địa chỉ thường trú và phải điền địa chỉ tại nước ngoài) (Only applicable to foreign customer without Permanent Address and must enter foreign address)*	
		Địa chỉ nơi ở hiện tại/ Địa chỉ liên hệ/ Địa chỉ nơi đăng ký cư trú tại Việt Nam *(Contact Address)**: *(Khách hàng là người nước ngoài phải điền địa chỉ tại Việt Nam)* *(Foreign customer must enter the address in Vietnam)*	
3.3	**Đăng ký thẻ ghi nợ Quốc tế** *(Registration for an International Debit Card)* O Có *(Yes)* O Không *(No)* *(Nếu chọn Có, vui lòng điền thông tin ở Giấy đăng ký dịch vụ đính kèm)* *(If yes, please fill in the attached Service Registration Form)*		
3.4	**Đăng ký dịch vụ chi hộ lương** *(Registration for Payroll service)* O Có *(Yes)* O Không *(No)* *(Nếu chọn Có, vui lòng điền thông tin ở Giấy đăng ký dịch vụ đính kèm)* *(If yes, please fill in the attached Service Registration Form)*		
3.5	**Đăng ký dịch vụ Nộp thuế điện tử tại Cổng Thanh toán của Tổng cục Thuế/Tổng cục Hải quan** (*Registration for Electronic tax payment at the Payment Gateway of the General Department of Taxation/the General Department of Customs)* O Có *(Yes)* O Không *(No)* *(Nếu chọn Có, vui lòng điền thông tin ở Giấy đăng ký dịch vụ đính kèm)* *(If yes, please fill in the attached Service Registration Form)*		
3.6	**Dịch vụ Ngân hàng số** *(Digital Banking service)* Dịch vụ Ngân hàng số của TPBank bao gồm Truy vấn và Giao dịch. Truy vấn được cài đặt mặc định. Khách hàng cung cấp thông tin theo "Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng số kiêm phụ lục Thỏa thuận mở, sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ đi kèm dành cho khách hàng tổ chức" đính kèm. *(TPBank's Digital Banking services include Inquiry and Transaction. Inquiry is set by default. Customer please provide information according to "Registration for digital banking service cum appendix to Agreement to open, use current account and accompanying services for corporate customer" attached.)*		
4.	**THÔNG TIN VỀ FATCA (Đạo luật tuân thủ thuế đối với chủ tài khoản nước ngoài của Hoa Kỳ)*** ***(INFORMATION ABOUT FATCA (The Foreign Account Tax Compliance Act))****		
	Quý khách có dấu hiệu Hoa Kỳ nào trong số các dấu hiệu dưới đây không? ***Do you have any of the below signals?*** **O Có** ***(Yes)*** • **O Không** ***(No)*** Trường hợp chọn "Có" Qúy khách vui lòng tích duy nhất một dấu ✓ trong số các mục dưới đây và cung cấp các thông tin được yêu cầu (*In case of marking a single ✓ among the items below and providing the information as requested*): *Nếu Khách hàng là Công ty của Hoa Kỳ, vui lòng kê khai tiếp vào mẫu W-9 Tiếng Anh do Ngân hàng cung cấp và bổ sung các tài liệu chứng minh theo quy định của FATCA để xác thực thông tin (For customer as U.S. Company, please kindly further declare in W-9 form in English and provide the sufficient information as stipulated by the FATCA for TPBank to verify)* Nếu Khách hàng có một trong các yếu tố dưới đây và không phải là doanh nghiệp Hoa Kỳ, vui lòng kê khai tiếp vào mẫu W-8BEN-E bản Tiếng Anh do Ngân hàng cung cấp và bổ sung các tài liệu chứng minh theo quy định của FATCA để xác thực thông tin *(Customer having one of the undermentioned indicia and not being a U.S. Company, please kindly further declare in the English W8BEN-E form and provide the sufficient information as stipulated by the FATCA for TPBank to verify)*		
	O Công ty của Hoa Kỳ (một công ty được hình thành tại Hoa Kỳ, được thành lập theo pháp luật của Hoa Kỳ hoặc là một chủ thể phải thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Chính phủ Hoa Kỳ)	**O Định chế tài chính** (Một định chế có liên quan đến hoạt động chứng khoán, một chủ thể thực hiện các hoạt động đầu tư, hoặc một công ty bảo hiểm có liên quan đến FATCA)	**O Các loại hình Công ty khác không phải là Công ty của Hoa Kỳ và Định chế Tài chính**

[1] *Khách hàng là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam không đồng nghĩa với việc khách hàng thuộc đối tượng Người cư trú theo quy định của pháp luật về ngoại hối. Việc xác định Khách hàng thuộc đối tượng người cư trú/ người không cư trú thực hiện theo Quy chế mở, sử dụng Tài khoản thanh toán của Khách hàng (QC01/TK).*
Customers who are foreigners residing in Vietnam do not mean that customers belong to the category of Residents as defined by the foreign exchange law. The determination of whether customers belong to the category of residents/non-residents is carried out according to the Regulations on opening, using Customer's Current Account (QC01/TK).

	(***U.S. Company*** *(a company is established in the U.S. under the U.S. laws or is subjected to tax obligations to the U.S. government)* Cung cấp Mã số thuế công ty phải thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Chính phủ Hoa Kỳ (TIN) *(Providing the tax code of the company must take tax obligations to the US government (TIN))*: Công ty có thuộc đối tượng được miễn nộp thuế cho Chính phủ Hoa Kỳ không? *(Is the company exempted from paying tax obligation to the US Government?)* O Có *(Yes)* O Không *(No)*	(***Financial Insitution*** *(An institution relates to securities operations, an entity implements investment operations, or an insurance company relating to FATCA))* Cung cấp Số Định danh Toàn cầu của công ty (GIIN), nếu có: *(Providing Global Intermediary Identification Number (GIIN), if any):* Nếu công ty không có số GIIN, vui lòng cung cấp tình trạng FATCA: *(If the Company does not have GIIN number, please provide FATCA status):*	***(Other types of company which are not the U.S. Company and financial institution)*** Có bất kỳ chủ sở hữu lớn nào của công ty là công dân Hoa Kỳ hoặc cá nhân thường trú hợp pháp ở Hoa Kỳ theo các quy định về thuế của Hoa Kỳ hay không? *(Is there any majority shareholder who are the U.S. citizen or legal resident in the US in accordance with the U.S. regulations on tax?)* O Có *(Yes)* O Không *(No)* Nếu có, cung cấp tên và mã số thuế (TIN) của mỗi chủ sở hữu lớn là công dân Hoa Kỳ hoặc cá nhân thường trú hợp pháp tại Hoa Kỳ phải thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Chính phủ Hoa Kỳ *(If yes, providing name and Tax Identification Number (TIN) of each majority shareholder who is the U.S. citizen or legal resident in the U.S. who have tax obligation to U.S. government):*

5.	**ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ, MẪU DẤU SỬ DỤNG TÀI KHOẢN** ***(REGISTRATION OF SIGNATURE AND STAMP SPECIMEN FOR OPERATING ACCOUNT)*** *Vui lòng gạch chéo các trường thông tin không đăng ký (Please cross the non-registration space)*

5.1. NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ TÀI KHOẢN VÀ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN SỬ DỤNG TÀI KHOẢN (NẾU CÓ)
(THE LAWFUL REPRESENTATIVE OF THE ACCOUNT OWNER AND THE AUTHORIZED PERSON TO USE CURRNET ACCOUNT) (IF ANY)

5.1.1. Người đại diện hợp pháp – Người đại diện theo pháp luật[2] ***(The lawful representative – the Legal representative)***		**Mẫu chữ ký** ***(Specimen Signature)***
Họ và tên *(Full Name)*:*		
Ngày, tháng, năm sinh *(Date of Birth)**:		
Số CMND/thẻ CCCD/thẻ Căn cước/giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu*: *(Hộ chiếu chỉ áp dụng với cá nhân người nước ngoài)* *(ID Card/ Citizen ID Card/ ID certificate/ Passport - Passport only applies to foreign individuals)*		
Ngày cấp *(Date of Issue)**: Ngày hết hạn *(Expiry date)*:*	Nơi cấp *(Place of Issue)*:*	
Quốc tịch *(Nationality)**:		
Số thị thực nhập cảnh/giấy tờ thay thị thực nhập cảnh*: *(Chỉ áp dụng với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam[3])* *(Number of Entry Visa/ document replacing Entry Visa - for foreigners residing in Vietnam)*		
Tình trạng cư trú *(Residential status)**: O Cư trú *(Resident)* O Không cư trú *(Non-resident)*		**Xác nhận mẫu chữ ký** ***(Confirmation of specimen signature)***
Giới tính *(Gender)**: O Nam *(Male)* O Nữ *(Female)*		
Nghề nghiệp, chức vụ *(Occupation, Position) *:*		
Địa chỉ đăng ký thường trú *(Permanent Address)* *: *(Khách hàng là người nước ngoài phải điền địa chỉ tại nước ngoài)* *(Foreign customer must enter foreign address)*		
Địa chỉ tạm trú *(Temporary Address)* *: *(Chỉ áp dụng với Khách hàng là người nước ngoài không có Địa chỉ thường trú và phải điền địa chỉ tại nước ngoài) (Only applicable to foreign customer without Permanent Address and must enter foreign address)*		
Địa chỉ nơi ở hiện tại/ Địa chỉ liên hệ/ Địa chỉ nơi đăng ký cư trú tại Việt Nam *(Contact Address)**: *(Khách hàng là người nước ngoài phải điền địa chỉ tại Việt Nam)*		

[2] *Khách hàng phải khai báo thông tin tại mục này trong mọi trường hợp.*
Customer must declare information at this section in any cases.
[3] *Khách hàng là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam không đồng nghĩa với việc khách hàng thuộc đối tượng Người cư trú theo quy định của pháp luật về ngoại hối. Việc xác định Khách hàng thuộc đối tượng người cư trú/ người không cư trú thực hiện theo Quy chế mở, sử dụng Tài khoản thanh toán của Khách hàng (QC01/TK).*
Customers who are foreigners residing in Vietnam do not mean that customers belong to the category of Residents as defined by the foreign exchange law. The determination of whether customers belong to the category of residents/non-residents is carried out according to the Regulations on opening, using Customer's Current Account (QC01/TK).

	(Foreign customer must enter the address in Vietnam)	
	Số điện thoại liên lạc *(Contact Phone number)**:	
	Email:	
5.1.2. Người đại diện hợp pháp – Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tài khoản ***(The lawful representative – Authorized representative of Account owner)***		**Mẫu chữ ký** ***(Specimen Signature)***
	Họ và tên *(Full Name)*:*	
	Ngày, tháng, năm sinh *(Date of Birth)**:	
	Số CMND/thẻ CCCD/thẻ Căn cước/giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu*: *(Hộ chiếu chỉ áp dụng với cá nhân người nước ngoài)* *(ID Card/ Citizen ID Card/ ID certificate/ Passport - Passport only applies to foreign individuals)*	
	Ngày cấp *(Date of Issue)**: Ngày hết hạn *(Expiry date)*:* — Nơi cấp *(Place of Issue)*:*	
	Quốc tịch *(Nationality)**:	
	Số thị thực nhập cảnh/giấy tờ thay thị thực nhập cảnh*: *(Chỉ áp dụng với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam)* *(Number of Entry Visa/ document replacing Entry Visa - for foreigners residing in Vietnam)*	
	Tình trạng cư trú *(Residential status)**: O Cư trú *(Resident)* O Không cư trú *(Non-resident)*	**Xác nhận mẫu chữ ký** ***(Confirmation of specimen signature)***
	Giới tính *(Gender)**: O Nam *(Male)* O Nữ *(Female)*	
	Nghề nghiệp, chức vụ *(Occupation, Position) *:*	
	Địa chỉ đăng ký thường trú *(Permanent Address)* *: *(Khách hàng là người nước ngoài phải điền địa chỉ tại nước ngoài)* *(Foreign customer must enter foreign address)*	
	Địa chỉ tạm trú *(Temporary Address)* *: *(Chỉ áp dụng với Khách hàng là người nước ngoài không có Địa chỉ thường trú và phải điền địa chỉ tại nước ngoài) (Only applicable to foreign customer without Permanent Address and must enter foreign address)*	
	Địa chỉ nơi ở hiện tại/ Địa chỉ liên hệ/ Địa chỉ nơi đăng ký cư trú tại Việt Nam *(Contact Address)**: *(Khách hàng là người nước ngoài phải điền địa chỉ tại Việt Nam)* *(Foreign customer must enter the address in Vietnam)*	
	Số điện thoại liên lạc *(Contact Phone number)**:	
	Email:	
	Phạm vi đại diện theo văn bản số *(Scope of representation according to Document No):* Ngày *(date)*: của *(of)* :	
5.1.3. Người được uỷ quyền sử dụng tài khoản từ Người đại diện hợp pháp (nếu có) ***(Authorized person in using current account from the Lawful representative) (if any)***		**Mẫu chữ ký** ***(Specimen Signature)***
	Họ và tên *(Full Name)*:*	
	Ngày, tháng, năm sinh *(Date of Birth)**:	
	Số CMND/thẻ CCCD/thẻ Căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu*: Hộ chiếu chỉ áp dụng với cá nhân người nước ngoài *ID Card/ Citizen ID Card/ ID certificate/ Passport - Passport only applies to foreign individuals*	
	Ngày cấp *(Date of Issue)**: Ngày hết hạn *(Expiry date)*:* — Nơi cấp *(Place of Issue)*:*	
	Quốc tịch *(Nationality)**:	
	Số thị thực nhập cảnh/giấy tờ thay thị thực nhập cảnh*: *(Chỉ áp dụng với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam)* *(Number of Entry Visa/ document replacing Entry Visa - for foreigners residing in Vietnam)*	
	Tình trạng cư trú *(Residential status)**: O Cư trú *(Resident)* O Không cư trú *(Non-resident)*	**Xác nhận mẫu chữ ký** ***(Confirmation of specimen signature)***
	Giới tính *(Gender)**: O Nam *(Male)* O Nữ *(Female)*	
	Nghề nghiệp, chức vụ *(Occupation, Position) *:*	
	Địa chỉ đăng ký thường trú *(Permanent Address)* *: *(Khách hàng là người nước ngoài phải điền địa chỉ tại nước ngoài)* *(Foreign customer must enter foreign address)*	
	Địa chỉ tạm trú *(Temporary Address)* *:	

	(Chỉ áp dụng với Khách hàng là người nước ngoài không có Địa chỉ thường trú và phải điền địa chỉ tại nước ngoài) (Only applicable to foreign customer without Permanent Address and must enter foreign address)	
	Địa chỉ nơi ở hiện tại/ Địa chỉ liên hệ/ Địa chỉ nơi đăng ký cư trú tại Việt Nam *(Contact Address)**: *(Khách hàng là người nước ngoài phải điền địa chỉ tại Việt Nam)* *(Foreign customer must enter the address in Vietnam)*	
	Số điện thoại liên lạc *(Contact Phone number)**:	
	Email:	
	Phạm vi ủy quyền theo văn bản số *(Scope of authorization according to Document No):* Ngày *(date)*: của *(of)* :	

5.2. KẾ TOÁN TRƯỞNG/NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN (NẾU CÓ) VÀ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN (NẾU CÓ)
(THE CHIEF ACCOUNTANT/PERSON IN CHARGE OF ACCOUNTING (IF ANY) AND AUTHORIZED PERSON (IF ANY)

5.2.1	O **Kế toán trưởng (*Chief Accountant)***	O **Người phụ trách kế toán của tổ chức (*Person in charge of Accounting of the Organization)***

	Họ và tên *(Full Name)*:*	**Mẫu chữ ký** ***(Specimen Signature)***
	Ngày, tháng, năm sinh *(Date of Birth)**:	
	Số CMND/thẻ CCCD/thẻ Căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu*: Hộ chiếu chỉ áp dụng với cá nhân người nước ngoài *ID Card/ Citizen ID Card/ ID certificate/ Passport - Passport only applies to foreign individuals*	
	Ngày cấp *(Date of Issue)**: Ngày hết hạn *(Expiry date)*:* — Nơi cấp *(Place of Issue)*:*	
	Quốc tịch *(Nationality)**:	
	Số thị thực nhập cảnh/giấy tờ thay thị thực nhập cảnh*: *(Chỉ áp dụng với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam)* *(Number of Entry Visa/ document replacing Entry Visa - for foreigners residing in Vietnam)*	
	Tình trạng cư trú *(Residential status)**: O Cư trú *(Resident)* O Không cư trú *(Non-resident)*	**Xác nhận mẫu chữ ký** ***(Confirmation of specimen signature)***
	Giới tính *(Gender)*:* O Nam *(Male)* O Nữ *(Female)*	
	Nghề nghiệp, chức vụ *(Occupation, Position) *:*	
	Địa chỉ đăng ký thường trú *(Permanent Address)* *: *(Khách hàng là người nước ngoài phải điền địa chỉ tại nước ngoài)* *(Foreign customer must enter foreign address)*	
	Địa chỉ tạm trú *(Temporary Address)* *: *(Chỉ áp dụng với Khách hàng là người nước ngoài không có Địa chỉ thường trú và phải điền địa chỉ tại nước ngoài) (Only applicable to foreign customer without Permanent Address and must enter foreign address)*	
	Địa chỉ nơi ở hiện tại/ Địa chỉ liên hệ/ Địa chỉ nơi đăng ký cư trú tại Việt Nam *(Contact Address)**: *(Khách hàng là người nước ngoài phải điền địa chỉ tại Việt Nam)* *(Foreign customer must enter the address in Vietnam)*	
	Số điện thoại liên lạc *(Contact Phone number)**:	
	Email:	

5.2.2	**Người được ủy quyền sử dụng tài khoản từ Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có)** ***(Authorized person in using current account from the Chief Accountant/ Person in charge of Accounting of the Organization) (if any)***	**Mẫu chữ ký** ***(Specimen Signature)***

	Họ và tên *(Full Name)*:*	
	Ngày, tháng, năm sinh *(Date of Birth)**:	
	Số CMND/thẻ CCCD/thẻ Căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu*: Hộ chiếu chỉ áp dụng với cá nhân người nước ngoài *ID Card/ Citizen ID Card/ ID certificate/ Passport - Passport only applies to foreign individuals*	
	Ngày cấp *(Date of Issue)**: Ngày hết hạn *(Expiry date)*:* — Nơi cấp *(Place of Issue)*:*	
	Quốc tịch *(Nationality)**:	
	Số thị thực nhập cảnh/giấy tờ thay thị thực nhập cảnh*: *(Chỉ áp dụng với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam)* *(Number of Entry Visa/ document replacing Entry Visa - for foreigners residing in Vietnam)*	

	Tình trạng cư trú *(Residential status)*:* O Cư trú *(Resident)* O Không cư trú *(Non-resident)*	**Xác nhận mẫu chữ ký** ***(Confirmation of specimen signature)***
	Giới tính *(Gender)*:* O Nam *(Male)* O Nữ *(Female)*	
	Nghề nghiệp, chức vụ *(Occupation, Position) *:*	
	Địa chỉ đăng ký thường trú *(Permanent Address) *:* *(Khách hàng là người nước ngoài phải điền địa chỉ tại nước ngoài)* *(Foreign customer must enter foreign address)*	
	Địa chỉ tạm trú *(Temporary Address) *:* *(Chỉ áp dụng với Khách hàng là người nước ngoài không có Địa chỉ thường trú và phải điền địa chỉ tại nước ngoài) (Only applicable to foreign customer without Permanent Address and must enter foreign address)*	
	Địa chỉ nơi ở hiện tại/ Địa chỉ liên hệ/ Địa chỉ nơi đăng ký cư trú tại Việt Nam *(Contact Address)*:* *(Khách hàng là người nước ngoài phải điền địa chỉ tại Việt Nam)* *(Foreign customer must enter the address in Vietnam)*	
	Số điện thoại liên lạc *(Contact Phone number)*:*	
	Email:	
	Phạm vi ủy quyền theo văn bản số *(Scope of authorization according to Document No):* Ngày *(date)*: của *(of)* :	

5.3. PHƯƠNG THỨC SỬ DỤNG TÀI KHOẢN *(METHOD OF OPERATING ACCOUNT)*

Chủ tài khoản phải ký đủ số chữ ký bắt buộc và đóng dấu (theo đúng mẫu đã đăng ký) trên chứng từ giao dịch với TPBank theo quy định của Pháp luật và quy định của TPBank.
(Account Owner's registered specimen signature and seal are compulsory for all transactions in accordance with regulations of the laws and regulations of TPBank)

6. MẪU DẤU *(SPECIMEN SEAL)*

1	**2**

7 CAM KẾT SỬ DỤNG CON DẤU *(COMMITMENT OF USING SEAL)*

7.1	Mẫu dấu của Tổ chức đã đăng ký với TPBank có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều lệ và các văn bản nội bộ của Tổ chức; *(The Organization's Specimen seal registered with TPBank has the form and content consistent with the provisions of the Charter and internal documents of the Organization)*	*, ngày tháng năm* *, date month year* ***Người đại diện hợp pháp*** ***(Lawful representative)*** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/ Signature, full name and seal)*
7.2	Đảm bảo tính trung thực, hợp pháp, hợp lệ của mẫu dấu đã đăng ký với TPBank và chịu toàn bộ trách nhiệm pháp lý đối với mẫu dấu này; *(Ensure the truthfulness, legality and validity of the specimen seal registered with TPBank and bear all legal responsibility for this specimen seal;)*	
7.3	Trường hợp con dấu bị lạm dụng, bị làm giả, Tổ chức cam kết chịu trách nhiệm toàn bộ về các rủi ro phát sinh liên quan đến con dấu. *(In case the seal is misused or counterfeited, the Organization undertakes to take full responsibility for all risks related to the seal.)*	
7.4	Miễn trừ trách nhiệm cho TPBank khi thực hiện các giao dịch tài khoản theo mẫu dấu Tổ chức trên các chứng từ giao dịch của Tổ chức với TPBank. *(Disclaimer for TPBank when performing account transactions according to the Organization seal form on the Organization's transaction documents with TPBank.)*	
7.5	Tổ chức sẽ thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi thông tin mẫu dấu trong trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về hình thức, nội dung của con dấu (nếu có) theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ. *(The Organization will carry out registration procedures for changing Specimen seal information in case of any changes in form and content of the seal (if any) according to TPBank's regulations from time to time)*	
7.6	TPBank được quyền tạm ngừng giao dịch của Tổ chức trong trường hợp có bất cứ vi phạm, lạm dụng hoặc giả mạo nào đối với mẫu dấu đã đăng ký. *(TPBank has the right to suspend the Organization's transactions in case of any violation, abuse or forgery of the registered Specimen seal.)*	

8 CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG *(DECLARATION OF CUSTOMER)*

8.1	Khách hàng cam đoan rằng mọi thông tin cung cấp và yêu cầu TPBank tại Thỏa thuận mở, sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ đi kèm dành cho Khách hàng tổ chức ("Thỏa thuận") là đúng sự thật,	

	đầy đủ và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các tài liệu, thông tin, dữ liệu đã cung cấp và kê khai tại Thoả thuận này. Khách hàng hiểu và đồng ý rằng TPBank có thể yêu cầu thêm tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác thực các thông tin mà Khách hàng xác nhận trên đây, thay mặt Khách hàng cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật. *(Customer commits that all information provided and requested to TPBank in this Agreement to open, use current account and accompanying services for corporate customer (“Agreement”) is true and sufficient and takes full responsibility for the documents, information, data provided and declared in this Agreement. Customer acknowledge that Customer understand and agree that TPBank may request additional documents, information, data to verify the self-certification above and provide documents, information, data on behalf of the Customer to the applicable government authorities in accordance with laws).*	
8.2	Khách hàng cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc quản lý và sử dụng tài khoản theo quy định của TPBank và pháp luật, thanh toán đầy đủ các khoản phí liên quan, chịu trách nhiệm đối với mọi vấn đề phát sinh trong trường hợp không thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung cam kết. *(The Customer commits to take full responsibility for the management and use of the account in accordance with TPBank's regulations and the law, and to pay all related fees, takes responsibility for all issues arising in case of complying with commitments incorrectly and incompletely)*	
8.3	Khách hàng xác nhận rằng *(The customer confirms that):* Đã đọc, hiểu rõ, chấp thuận và đồng ý rằng sẽ tuân theo Điều kiện, Điều khoản mở và sử dụng tài khoản thanh toán khách hàng tổ chức tại TPBank, Điều kiện Điều khoản về bảo vệ dữ liệu cá nhân (dành cho Tổ chức, Doanh nghiệp) (“Điều kiện và Điều khoản”) được công bố trên website www.tpb.vn và có hiệu lực tại thời điểm Khách hàng ký Thỏa thuận này, là một phần không tách rời của Thỏa thuận này, tạo thành một bộ Thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán giữa Khách hàng và TPBank và có hiệu lực kể từ ngày được TPBank xác nhận dưới đây. Khách hàng xác nhận đồng ý rằng TPBank có quyền sửa đổi, bổ sung Điều kiện và Điều khoản này tại bất kỳ thời điểm nào và thực hiện thông báo cho Khách hàng theo cách mà TPBank cho là phù hợp. Các sửa đổi, bổ sung sẽ có giá trị ràng buộc Khách hàng nếu Khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ theo Thỏa thuận này sau thời điểm việc sửa đổi, bổ sung có hiệu lực *(The Customer has read, understood, acceppted and agreed to comply with the Terms and Conditions for opening and using current account of organization customer at TPBank, The Terms and Conditions about Personal Data Protection (for Organization and Enterprise) (“Terms and Conditions”) published on the website www. tpb.vn and takes effect at the time the Customer signs this Agreement, is an integral part of this Agreement, forming a set of Agreements for opening and using current account between the Customer and TPBank and takes effect from the date confirmed by TPBank below. Customer confirms and agrees that TPBank has the right to amend and supplement these Terms and Conditions at any time and make notice to Customer in the manner that TPBank considers appropriate. Amendments and supplements will be binding on the Customer if the Customer continues to use the service under this Agreement after the time when the amendments and supplements take effect)*	
8.4	Khách hàng xác nhận các Giấy đăng ký dịch vụ theo yêu cầu của Khách hàng tại mục 3 Đơn này là do chính Khách hàng yêu cầu và tạo lập, là một phần đính kèm, không tách rời của Thỏa thuận này, có giá trị pháp lý ràng buộc Khách hàng. Việc Khách hàng ký, đóng dấu xác nhận trên Đơn này được hiểu Khách hàng đã đọc và đồng ý với toàn bộ các nội dung Xác nhận của Khách hàng tại các Giấy đăng ký dịch vụ đính kèm Thỏa thuận này. *(The Customer confirms that the Service Registration Forms according to the Customer’s demand in section 3 of this Agreement are requested and created by the Customer, which are an integral part of this Agreement and legally bind on the Customer. The Customer's signature and seal on this Agreement means that the Customer has read and agreed with all of the Customer's Confirmation contents in the Service Registration Forms attached to this Agreement)*	
8.5	Khách hàng ủy quyền cho TPBank thu các loại phí liên quan đến tài khoản bằng việc trích nợ tài khoản dưới đây: *(Authorized TPBank to collect account-related fees by debiting Account below):* O Tài khoản thanh toán được mở theo Đơn này(*Account opened under this Agreement)* O Tài khoản thanh toán số ……. của Khách hàng *(Customer account number:……..)*	
8.6	Nếu có sự mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Anh và nội dung tiếng việt, thì nội dung tiếng Việt có giá trị pháp lý. *(If there is a conflict between the English content and the Vietnamese content, the Vietnamese content has legal validity).*	
9	**PHẦN DÀNH CHO TPBANK (*FOR TPBANK USE ONLY)***	

Xác nhận của TPBank sau khi kiểm tra tình trạng FATCA của Khách hàng*(TPBank's confirmation after checking Customer's FATCA status)*

Khách hàng *(Customer)*: O Có dấu hiệu Hoa Kỳ *(U.S indicia)* O Không có dấu hiệu Hoa Kỳ *(Non U.S indicia)*

TPBank chấp nhận mở tài khoản/tài khoản số đẹp, cung cấp dịch vụ theo như yêu cầu *(TPBank accepts to open accounts / accounts with selected numbers and provides services as required)*

9.1	Số CIF (CIF No):	Ngày bắt đầu hoạt động *(Operation start date):* Kể từ ngày *(Effective)*:…….	
9.2	Tên tài khoản thanh toán: Theo đăng ký của Khách hàng tại Mục 2.2 Thỏa thuận này *(Account name: According to Customer's registration in Section 2.2 of thif Agreement)*		
9.3	Số hiệu tài khoản thứ nhất *(1st Account number):*	Loại tiền (*Currency):*	Loại tài khoản *(Type of account):*
	Số hiệu tài khoản thứ hai *(2nd Account number):*	Loại tiền (*Currency):*	Loại tài khoản *(Type of account):*
9.4	Cán bộ giới thiệu *(Name of Reference):*	Mã CIF người giới thiệu *(CIF Code of Reference):*	

TPBank xác nhận, cung cấp dịch vụ cho Khách hàng với thông tin như sau *(TPBank confirms and provides services to customer with the following information):*	**Thông tin chuyên viên quản lý Khách hàng** *(Information about customer management officer)*
a. Dịch vụ thẻ ghi nợ Quốc tế theo yêu cầu tại Giấy đăng ký Thẻ ghi nợ quốc tế đính kèm *(International Debit Card Service on request in the attached International Debit Card Registration Form)* ☐ Đồng ý cung cấp dịch vụ theo yêu cầu với hạng Thẻ (*Agree to provide the requested service with Card class)* ◉ Hạng Chuẩn*(Standard class)* ○ Hạng Vàng*(Gold class)* ○ Hạng Bạch Kim*(Titanium class)* ☐ Không đồng ý cung cấp dịch vụ theo yêu cầu *(Do not agree to provide the requested service)* Lý do từ chối *(Reason):* **b. Dịch vụ trả lương theo yêu cầu tại Giấy đăng ký dịch vụ chi hộ lương đính kèm** *(Payroll service on request in the attached Payroll Service Registration Form)* ☐ Đồng ý cung cấp dịch vụ theo yêu cầu *(Agree)* ☐ Không đồng ý cung cấp dịch vụ theo yêu cầu *(Disagree)* Lý do từ chối *(Reason):* **c. Dịch vụ nộp thuế điện tử tại Cổng Thanh toán của Tổng cục Thuế/Tổng cục Hải quan** *(Electronic tax payment service at the Payment Gateway of the General Department of Taxation/General Department of Customs)* ☐ Đồng ý cung cấp dịch vụ theo yêu cầu *(Agree)* ☐ Không đồng ý cung cấp dịch vụ theo yêu cầu *(Disagree)* Lý do từ chối *(Reason):* **d. Dịch vụ Ngân Hàng Số** *(Digital Banking Service)*	Họ và tên (*Full Name)*: Miscode: Chi nhánh (*Branch*): Email: Số điện thoại (*Mobile No.*): Dịch vụ (*Service*):

Cán bộ KYC KH[4] *(Officer doing KYC)* *(Ký, ghi rõ họ tên)* *(Signature and full name)*	**Cán bộ lãnh đạo của cán bộ KYC KH[5]** *(Senior officer of officer doing KYC)* *(Ký, ghi rõ họ tên)* *(Signature and full name)*	**GDV** *(Teller)* *(Ký, ghi rõ họ tên)* *(Signature and full name)*	**Đại diện TPBank[6]** *(TPBank's Reprsentative)* *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/ Signature, full name and seal)*

[4] *Trường hợp cán bộ KYC KH là CVKH thì CVKH ký vào ô thứ nhất*
[5] *Trường hợp cán bộ KYC KH là CVKH thì cán bộ lãnh đạo của CVKH ký vào ô thứ hai*
[6] *Đại diện TPBank: KSV/GĐ DVKH/GĐ ĐVKD*

10. HỒ SƠ MỞ TÀI KHOẢN VÀ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ TÀI KHOẢN, CÁC DỊCH VỤ ĐI KÈM TRẢ CHO KHÁCH HÀNG
(DOCUMENTS OF ACCOUNT OPENING AND REGISTRATION TO USE ACCOUNT SERVICES AND OTHER SERVICES GIVEN TO CUSTOMERS)

Hồ sơ Thoả thuận mở, sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ đi kèm dành cho Khách hàng tổ chưc và các Giấy đăng ký dịch vụ đi kèm theo nhu cầu đăng ký của Khách hàng được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau. TPBank giữ 01 bản, 01 bản được gửi cho Người đại diện hợp pháp của Khách hàng.
(Documents of Proposed contract to open, use current account and accepted services for organization customer as well as the Service Registration Forms on customer demand are made into 02 copies with the same value. TPBank keeps 01 copy, 01 copy is sent to the Customer's lawful representative)

☐ Bàn giao trực tiếp cho Người đại diện hợp pháp *(Handover directly to the Lawful Representative)* **Xác nhận của Người đại diện hợp pháp** ***(Confirmation of the Lawful Representative)*** Tôi xác nhận đã nhận 01 bộ Thỏa thuận mở tài khoản và đăng ký các dịch vụ đi kèm có phê duyệt của TPBank vào …….giờ…….phút, ngày…….. *(I confirm that I have received 01 set of Agreements for opening an account and registering for accompanying services with TPBank's approval at ……h, at…… date……/……/…….)* **Người đại diện hợp pháp** ***(Lawful Representative)*** *(Ký, ghi rõ họ tên) (Signature and full name)*	☐ Chuyển phát bảo đảm tới Người đại diện hợp pháp theo địa chỉ giao dịch của Khách hàng trên Đơn này *(Delivering to the lawful representative by Registered Mail at the business address of the customer as registered in this Application)*